Chi tiết mã HS 8484.90.00

Mã HS	8484.90.00
Mô tả hàng hóa	Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu khác hoặc bằng hai hoặc nhiều lớp kim loại; bộ hoặc một số chủng loại đệm và gioăng tương tự, thành phần khác nhau, được đóng trong các túi, bao hoặc đóng gói tương tự; bộ làm kín kiểu cơ khí / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 10:25:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84849000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14654
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14654
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14654
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14009
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13950
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13950
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13950
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13950
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13950
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13950
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14004
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14004
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14004
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14004

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14004
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14004
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14005
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14005
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14005
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14005
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14005
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14005
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14008
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13956
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13964
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13964
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13964
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13964
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13964
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13964
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13995
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13995
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13995
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13995
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13995
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13995
VCFTA	2022	2022	3	VC!D14050
VCFTA	2023	2023	3	VC!E14050
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14050
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14050

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14050
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14050
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14027
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14027
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14027
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14027
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14027
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14027
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14027
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14027
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14027
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14027
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14027
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14027
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14042
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14042
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14042
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14042
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14042
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14042
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14041
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14041
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14041
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14041
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14041
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14041

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14034
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14034
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14034
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14034
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14034
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14034
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14034
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14029
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14029
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14029
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14029
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14029
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14029
RCEP B	2022	2022	0	B!D14029
RCEP B	2023	2023	0	B!E14029
RCEP B	2024	2024	0	B!F14029
RCEP B	2025	2025	0	B!G14029
RCEP B	2026	2026	0	B!H14029
RCEP B	2027	2027	0	B!I14029
RCEP C	2022	2022	0	C!D14029
RCEP C	2023	2023	0	C!E14029
RCEP C	2024	2024	0	C!F14029
RCEP C	2025	2025	0	C!G14029
RCEP C	2026	2026	0	C!H14029
RCEP C	2027	2027	0	C!I14029
RCEP D	2022	2022	0	D!D14028

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14028
RCEP D	2024	2024	0	D!F14028
RCEP D	2025	2025	0	D!G14028
RCEP D	2026	2026	0	D!H14028
RCEP D	2027	2027	0	D!I14028
RCEP E	2022	2022	0	E!D14032
RCEP E	2023	2023	0	E!E14032
RCEP E	2024	2024	0	E!F14032
RCEP E	2025	2025	0	E!G14032
RCEP E	2026	2026	0	E!H14032
RCEP E	2027	2027	0	E!I14032
RCEP F	2022	2022	0	F!D14029
RCEP F	2023	2023	0	F!E14029
RCEP F	2024	2024	0	F!F14029
RCEP F	2025	2025	0	F!G14029
RCEP F	2026	2026	0	F!H14029
RCEP F	2027	2027	0	F!I14029
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F13033
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G13033
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H13033
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I13033

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8484.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8484.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14654), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.